

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tổ 23-Cụm 4 - Nhật Tân - Tây Hồ - Hà Nội

Quý III năm tài chính 2011

Tel: 04.37194353 Fax: 04.37183635

Mẫu số B01-DN

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	V.1	331,428,861,956	133,773,110,910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5,450,013,109	3,919,041,704
1. Tiền	111		5,450,013,109	3,919,041,704
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		47,500,000,000	35,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	47,500,000,000	35,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48,053,299,347	36,606,780,067
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	24,719,388,425	6,357,853,768
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	23,714,347,995	29,350,189,906
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	4,847,113	1,370,688,889
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(385,284,186)	(471,952,496)
IV. Hàng tồn kho	140		87,934,413,940	40,126,572,273
1. Hàng tồn kho	141	V.7	88,850,522,722	41,042,681,055
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(916,108,782)	(916,108,782)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		142,491,135,560	18,120,716,866
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10,223,135,560	2,897,055,348
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	132,268,000,000	15,223,661,518

TÀI SẢN				
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242,843,149,142	200,568,467,012
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		77,048,444,979	50,819,713,836
1. Tài sản cố định hữu hình	221		52,025,309,931	25,815,548,439
- Nguyên giá	222	V.10	65,769,134,589	37,061,975,535
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13,743,824,658)	(11,246,427,096)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	25,001,542,050	25,004,165,397
- Nguyên giá	228		25,010,493,400	25,010,493,400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8,951,350)	(6,328,003)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		21,592,998	-
III. Bất động sản đầu tư	240		27,768,000,000	27,768,000,000
- Nguyên giá	241	V.12	27,768,000,000	27,768,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		136,571,607,517	120,091,288,432
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	20,740,000,000	20,740,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	117,500,000,000	100,500,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,000,000,000	1,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2,668,392,483)	(2,148,711,568)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,455,096,646	1,889,464,744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,070,275,670	1,504,643,768
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		384,820,976	384,820,976
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		574,272,011,098	334,341,577,922

TÀI SẢN				
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		182,583,108,817	123,517,901,362
I. Nợ ngắn hạn	310		147,794,303,803	96,040,330,114
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	67,035,260,433	74,530,084,148
2. Phải trả người bán	312	V.16	29,107,059,178	11,647,847,569
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	42,108,308,110	4,087,651,233
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.18	8,454,973,743	4,008,782,597
5. Phải trả người lao động	315		285,542,478	-
6. Chi phí phải trả	316		-	550,986,378
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		135,098,868	835,098,868
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		668,060,993	379,879,321
II. Nợ dài hạn	330		34,788,805,014	27,477,571,248
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	34,779,664,614	23,845,563,267
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9,140,400	9,140,400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	3,622,867,581
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		391,688,902,281	210,823,676,560
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	391,688,902,281	210,823,676,560
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		335,000,000,000	163,752,780,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29,639,176,600	29,695,595,500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,010,000)	(3,010,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,991,017,911	1,483,668,845
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		688,205,141	236,000,421
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-

TÀI SẢN				
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23,373,512,629	15,658,641,794

TÀI SẢN				
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		574,272,011,098	334,341,577,922
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		3,048,300	3,048,300
5. Ngoại tệ các loại	05		36,471,159	11,798
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Lập, ngày 24 tháng 10 năm 2011

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hoá

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ III/2011

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	64,826,077,826	94,225,365,646	328,266,339,764	144,480,412,124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		64,826,077,826	94,225,365,646	328,266,339,764	144,480,412,124
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58,673,731,912	81,614,414,082	297,912,115,072	118,961,092,600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		6,152,345,914	12,610,951,564	30,354,224,692	25,519,319,524
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,035,880,586	1,327,012,848	5,419,092,889	1,508,905,213
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5,048,415,647	1,960,760,572	16,338,056,443	3,795,183,193
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,989,615,647	1,960,760,572	13,604,591,151	3,299,365,260
8. Chi phí bán hàng	24		780,021,456	181,080,365	3,005,744,332	736,444,792
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,534,618,423	819,579,534	5,968,498,167	2,111,388,973
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		(174,829,026)	10,976,543,941	10,461,018,639	20,385,207,779
11. Thu nhập khác	31		1,423,494,483	311,019,738	3,405,999,948	-
12. Chi phí khác	32			77,118,948	282,179,466	79,476,596
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		1,423,494,483	233,900,790	3,123,820,482	(79,476,596)
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1,248,665,457	11,210,444,731	13,584,839,121	20,305,731,183
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	312,166,364	2,802,611,183	3,396,209,780	5,154,358,095
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-		-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		936,499,093	8,407,833,548	10,188,629,341	15,151,373,088
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.5	28	513	304	

Lập, ngày 24 tháng 10 năm 2011

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hoà

Mẫu số B03-DN
 DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ III/2011
 Quý III - Năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13,584,839,121	20,616,750,921
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		2,500,020,909	2,510,432,392
- Các khoản dự phòng	03		433,012,605	(202,506,289)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		756,645,028	449,555,464
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,904,444,444)	(2,127,012,848)
- Chi phí lãi vay	06		13,604,591,151	3,299,365,260
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27,974,664,370	24,546,584,900
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(141,133,373,664)	(83,040,385,510)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(47,276,473,548)	(5,873,048,505)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		64,615,563,123	(31,526,051,652)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		434,368,098	(2,430,034,678)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13,604,591,151)	(3,341,717,630)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1,469,814,607)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16,361,518	109,654,600
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(164,023,048)	(226,346,118)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(109,137,504,302)	(103,251,159,200)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(31,778,054,000)	(56,565,388,181)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12,700,000,000)	(27,700,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200,000,000	5,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17,000,000,000)	(11,404,545,455)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,590,892,889	800,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý III năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý III năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, lắp đặt các loại sản phẩm đồ gỗ. Kinh doanh ô tô. Kinh doanh mù cao su các loại..

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý III Năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý III năm 2011 (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý III năm 2011 (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí cải tạo, làm nội thất văn phòng thuê tại tòa nhà 59 Quang Trung được tập hợp theo số thực tế phát sinh đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 36 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý III năm 2011 (tiếp theo)

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30/09/2011 là: 20.832VND/USD.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý III năm 2011 (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.918.644.990	3.130.528.597
Tiền gửi ngân hàng	531.368.119	788.513.107
Cộng	<u>5.450.013.109</u>	<u>3.919.041.704</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>47.500.000.000</u>	<u>35.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng trong nước	23.880.196.650	5.463.473.524
Phải thu khách hàng nước ngoài	839.191.775	894.380.224
Cộng	<u>24.719.388.425</u>	<u>6.357.853.768</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán trong nước	17.483.092.852	16.688.058.807
Trả trước cho người bán nước ngoài	6.231.255.143	12.662.131.099
Cộng	<u>23.714.347.995</u>	<u>29.350.189.906</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>4.847.113</u>	<u>1.370.688.889</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(385.284.186)	(385.284.186)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		(86.668.310)
Cộng	<u>(385.284.186)</u>	<u>(471.952.496)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	71.755.612.946	7.980.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	5.569.165.111	12.319.241.663
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.618.264.484	10.834.971.793
Thành phẩm	1.591.784.323	1.899.346.906
Hàng hóa	2.315.694.858	8.009.120.693
Cộng	<u>88.850.522.722</u>	<u>41.042.681.055</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý III Năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý III năm 2011 (tiếp theo)

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	(916.108.782)	(916.108.782)
Cộng	(916.108.782)	(916.108.782)

9. Thuế GTGT được khấu trừ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT được khấu trừ của HHDV	6.838.826.857	2.384.949.317
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	3.384.308.703	512.106.031
Cộng	10.223.135.560	2.897.055.348

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	132.268.000.000	15.207.300.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	16.361.518
Cộng	132.268.000.000	15.223.661.518

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	37.061.975.535	(11.246.427.096)	25.815.548.439
Tăng trong kỳ	28.707.159.054	(2.497.397.562)	26.209.761.492
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	65.769.134.589	(13.743.824.658)	52.025.309.931

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	25.010.493.400	(6.328.003)	25.004.165.397
Tăng trong kỳ	-	(2.623.347)	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	25.010.493.400	(8.951.350)	25.001.542.050

13. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần DC Phú Hà ^(a)	1.674.000	16.740.000.000	1.674.000	16.740.000.000
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu ^(b)	400.000	4.000.000.000	400.000	4.000.000.000
Cộng	2.074.000	20.740.000.000	2.074.000	20.740.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý III Năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý III năm 2011 (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa ⁽ⁱ⁾	300.000	30.000.000.000	150.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng ⁽ⁱⁱ⁾	500.000	50.000.000.000	500.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO ⁽ⁱⁱⁱ⁾	375.000	37.500.000.000	355.000	35.500.000.000
Cộng	1.175.000	117.500.000.000	1.005.000	100.500.000.000

15. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản góp vốn theo hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 26 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc hợp tác đầu tư Hệ thống kho bãi tại khu Đô thị và phi thuế quan tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh:		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng</i>	<i>(2.094.258.882)</i>	<i>(1.686.392.956)</i>
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO</i>	<i>(574.133.601)</i>	<i>(462.318.612)</i>
Cộng	(2.668.392.483)	(2.148.711.568)

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	67.035.260.433	74.530.084.148

18. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán trong nước	29.107.059.178	11.490.908.672
Phải trả người bán nước ngoài	-	156.938.897
Cộng	29.107.059.178	11.647.847.569

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước trong nước	42.108.308.110	4.087.651.233

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý III Năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý III năm 2011 (tiếp theo)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra	659.143.303	-
Thuế xuất nhập khẩu	871.701.587	505.904.691
Thuế TNDN	6.899.087.686	3.502.877.906
Thuế TNCN	25.041.167	-
Cộng	8.454.973.743	4.008.782.597

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa tiêu thụ trong nước	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	285.542.478	-

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	135.098.868	135.098.868
Bảo hiểm xã hội	-	-
Các khoản vay không tính lãi	-	700.000.000
Cộng	135.098.868	835.098.868

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	143.878.900			143.878.900
Quỹ phúc lợi	236.000.421	452.204.720	164.023.048	524.182.093
Cộng	379.879.321	452.204.720	164.023.048	668.060.993

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	34.779.664.614	23.845.563.267

25. Vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Quý III Năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý III năm 2011 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	335.000.000.000	163.752.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	29.639.176.600	29.695.595.500
Cổ phiếu quỹ	(3.010.000)	(3.010.000)
Quỹ đầu tư phát triển	2.991.017.911	1.483.668.845
Quỹ dự phòng tài chính	688.205.141	236.000.421
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.373.512.629	15.658.641.794
Cộng	<u><u>391.688.902.281</u></u>	<u><u>210.823.676.560</u></u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Lập, ngày 24 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hóa